BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Chăn nuôi **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**35**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo Quyết định số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học kỳ 2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			**2**						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			**1**						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		3
V. Đại cương chung			**21**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			**17**						
14	AN4500	Nhập môn ngành Chăn nuôi	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
5.2. Đại cương chung tự chọn			**4**						
22	AN4120	Thú y đại cương	2	20	20				1
23	AN4121	Sinh học đại cương	2	20	20				2
24	AN4122	Công nghệ sinh học đại cương	2	20	20				2
25	AN4123	Thiết bị và dụng cụ Chăn nuôi - Thú y	2	20	20				3
26	AN4124	Sinh thái học vật nuôi	2	30					3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**129**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**10**						
27	AN4125	Miễn dịch học đại cương	2	30					1
28	AN4126	Di truyền học và chọn giống vật nuôi	3	30	30				1
29	AN4127	Động vật học	3	30	30				1
30	AN4128	Giống vật nuôi	2	20	20				2
II. Kiến thức cơ sở ngành			**27**						
31	AN4129	Dinh dưỡng động vật	3	30	30				2
32	AN4130	Thức ăn Chăn nuôi	3	30	30				3
33	AN4131	Vệ sinh môi trường Chăn nuôi	3	35	20				3
34	AN4132	Chăn nuôi đại cương	2	20	20				3
35	AN4133	Thuốc Thú y và độc chất	3	30	30				3
36	AN4134	Sinh lý vật nuôi	3	30	30				4
37	AN4135	Sinh lý bệnh thú y	2	21	18				4
38	AN4136	Chẩn đoán lâm sàng	3	35	20				4
39	AN4137	Vi sinh vật chăn nuôi thú y	3	30	30				4
40	AN4138	Phương pháp NCKH trong Chăn nuôi	2	22	16				4
III. Kiến thức chuyên ngành			**64**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**50**						
41	AN4139	Bệnh nội khoa	2	20	20				4
42	AN4140	Công nghệ chăn nuôi heo	3	30	30				5
43	AN4141	Dịch tễ học	2	20	20				5

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
44	AN4142	Bệnh truyền nhiễm gia súc và gia cầm	3	30	30				5
45	AN4143	Công nghệ chăn nuôi gia cầm	3	30	30				5
46	AN4144	Bệnh ký sinh trùng	2	20	20				5
47	AN4145	Bệnh sản khoa và ngoại khoa	3	30	30				6
48	AN4147	Công nghệ truyền tinh, truyền phôi	3	30	30				6
49	AN4148	Xây dựng chuồng trại	2	30					6
50	AN4149	Công chăn nuôi thú cưng	3	35	20				6
51	AN4150	công nghệ chăn nuôi gia súc nhai lại	3	35	20				6
52	AN4151	Bệnh dinh dưỡng	3	35	20				7
53	AN4152	Thực hành Thú y cơ sở	2		60				7
54	AN4153	Nuôi thuỷ sản	3	30	30				7
55	AN4154	Bệnh thủy sản	2	20	20				7
56	AN4155	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2	25	10				7
57	AN4156	Kiến tập thực tế	3	10	70				7
58	AN4157	Kỹ năng tìm kiếm việc làm Chăn nuôi	1	15					8
59	AN4158	Khởi nghiệp về Chăn nuôi	3	45					8
60	AN4159	Luật Chăn nuôi	2	30					8
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**14**						
61	AN4160	Ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi	2	25	10				5
62	AN4161	Động vật thí nghiệm	2	30					5
63	AN4162	Công nghệ chăn nuôi dê	3	30	30				5
64	AN4163	Marketing trong chăn nuôi	2	30					6
65	AN4164	Bệnh thú cưng	2	20	20				6
66	AN4165	Công nghệ chăn nuôi thỏ	2	20	20				6
67	AN4166	Công nghệ chăn nuôi ong	3	30	30				7
68	AN4167	Năng lượng tái tạo (tiêu hóa sinh học, phân bón)	2	30					7
69	AN4168	Công nghệ chăn nuôi động vật hoang dã	3	30	30				7
IV. Khối kiến thực tập nghề nghiệp			**18**						
70	AN4169	Thực hành Thú y	3	10	70				8
71	AN4170	Thực tập trang trại chăn nuôi	6		180				8
72	AN4491	Thực tập cơ sở	3	10	70				8
73	AN4407	Thực tập tốt nghiệp ngành Chăn nuôi	6		180				9
V. Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			**10**						
5.1. Đồ án tốt nghiệp			10						
74	AN4408	Đồ án tốt nghiệp	10						9
5.2. Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp			**10**						
75	AN4171	Bệnh động vật hoang dã	3	35	20				9
76	AN4172	Quản lý sản xuất Chăn nuôi	3	35	20				9
77	AN4173	Anh văn chuyên ngành Chăn nuôi	2	30					9
78	AN4174	Hệ thống Chăn nuôi	2	20	20				9
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**164**	1746	1996				
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			150						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			132						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			18						